

Số: 93/QĐ-CT

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP TUYÊN BÌNH

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang "V/v Phê duyệt phương án chuyển đổi, sắp xếp Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tuyên Bình thành Công ty hai thành viên";

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ chức năng quyền hạn của giám đốc Công ty được phân cấp quản lý.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cho các đội lâm nghiệp thuộc Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình.

(Theo biểu Kế hoạch SXKD 2025 đính kèm Quyết định này)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao phòng KH-KT tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát các đội lâm nghiệp, tổng hợp báo cáo Ban lãnh đạo Công ty về tình hình, kết quả thực hiện hằng tháng, cả năm.

2. Giao phòng Kế toán dự toán chi phí, chuẩn bị nguồn tài chính đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch; thanh quyết toán theo đúng quy định Nhà nước cũng như Quy định nghiệm thu thanh toán của Công ty.

3. Giao phòng Quản lý bảo vệ rừng phối hợp với các phòng chuyên môn, đội lâm nghiệp quản lý tài sản rừng và đất rừng, trực tiếp tham mưu giải quyết các sự vụ có liên quan đến rừng và đất rừng.

4. Giao đội trưởng, phụ trách các đội lâm nghiệp tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra giám sát, tổ chức nghiệm thu các công đoạn hoàn thành.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực trong năm kế hoạch 2025.

Ban giám đốc Công ty, trưởng các phòng nghiệp vụ, đội trưởng các đội lâm nghiệp, trưởng các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT.



Nguyễn Ngọc Tháp

		Tổng cộng		Chia theo đội									
TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón (kg)	Đội Xuân Trung				Đội Tân Tiến		Đội Đoàng - KT		Đội Tân Hồng	
				Trung Trục		Xuân Vân							
				Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón
	Cộng		171.025	161,84	56.692	57,90	19.527	134,30	37.896	136,80	38.969	61,90	17.942
I	Trồng mới	206,70	96.534	39,70	18.461	18,00	8.789	60,00	27.900	63,00	29.295	26,00	12.090
1	Trồng mới	176,20	82.352	9,20	4.278	18,00	8.789	60,00	27.900	63,00	29.295	26,00	12.090
2	Tái sinh chồi	30,50	14.183	30,50	14.183				-		-		
II	Chăm sóc năm 2	174,60	35.280	41,10	15.540	24,30	9.786	46,50	5.208	42,40	2.058	20,30	2.688
III	Chăm sóc năm 3	171,44	39.211	81,04	22.691	15,60	952	27,80	4.788	31,40	7.616	15,60	3.164
IV	Bảo vệ khép tán	760,61		197,40		48,81		225,22		217,05		72,13	
V	Khai thác, tiêu thụ												
1	Diện tích	150,10		21,70		10,50		42,80		60,30		14,80	
2	Sản lượng	11.300		1.900		800		3.300		4.300		1.000	

TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Thành Trung